

**DANH SÁCH HỘ NGHÈO NHẬN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN QUÝ I NĂM 2021  
XÃ TIỀN ĐỘNG**

(Kèm theo Quyết định số 2909/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của UBND huyện Tứ Kỳ)

DVT: đồng

| TT | Họ và tên chủ hộ | Nơi ở (thôn - xã)    | Mức hỗ trợ / tháng | Số tháng được hỗ trợ | Tổng số tiền được hỗ trợ | Trong đó |                               |
|----|------------------|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------------|----------|-------------------------------|
|    |                  |                      |                    |                      |                          | Kỳ này   | Kỳ trước chưa trả chuyển sang |
| 1  | Nguyễn Thị Lụa   | Đồng Tâm - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200  | 0                             |
| 2  | Phạm Thị Chiền   | Đồng Tâm - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200  | 0                             |
| 3  | Bùi Thị Tân      | Đồng Tâm - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200  | 0                             |
| 4  | Phạm Thị Nuôi    | Đồng Tâm - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200  | 0                             |
| 5  | Trần Thị Xoan    | Đồng Tâm - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200  | 0                             |
| 6  | Hoàng Văn Thanh  | Đồng Tâm - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200  | 0                             |
| 7  | Bùi Thị Rữu      | Đồng Tâm - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200  | 0                             |
| 8  | Phạm Thị Hận     | Đồng Tâm - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200  | 0                             |
| 9  | Phạm Thị Ngạch   | Hòa Nhuệ - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200  | 0                             |
| 10 | Phạm Thị Bóng    | Hòa Nhuệ - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200  | 0                             |
| 11 | Phạm Thị Ngân    | Hòa Nhuệ - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200  | 0                             |
| 12 | Phạm Thị Động    | Hòa Nhuệ - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200  | 0                             |
| 13 | Phạm Thị Bột     | Hòa Nhuệ - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200  | 0                             |
| 14 | Phạm Thị Bột     | Hòa Nhuệ - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200  | 0                             |
| 15 | Phạm Thị Thùy    | Hòa Nhuệ - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200  | 0                             |
| 16 | Nguyễn Thị Linh  | Đoàn Khê - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200  | 0                             |
| 17 | Đặng Thị Lựu     | Đoàn Khê - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200  | 0                             |
| 18 | Nguyễn Thị Yển   | Đoàn Khê - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200  | 0                             |
| 19 | Nguyễn Đức Triệu | Đoàn Khê - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200  | 0                             |
| 20 | Nguyễn Văn Mơ    | Đoàn Khê - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200  | 0                             |



| TT        | Họ và tên chủ hộ | Nơi ở (thôn - xã)    | Mức hỗ trợ / tháng | Số tháng được hỗ trợ | Tổng số tiền được hỗ trợ | Trong đó  |                               |
|-----------|------------------|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------------|-----------|-------------------------------|
|           |                  |                      |                    |                      |                          | Kỳ này    | Kỳ trước chưa trả chuyển sang |
| 21        | Đào Xuân Hoạch   | Đoàn Khê - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200   | 0                             |
| 22        | Nguyễn Văn Dự    | Đoàn Khê - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200   | 0                             |
| 23        | Đào Thanh Lư     | Đoàn Khê - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200   | 0                             |
| 24        | Nguyễn Đăng Tuấn | Đoàn Khê - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200   | 0                             |
| 25        | Phạm Thị Hai     | Quan Lộc - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200   | 0                             |
| 26        | Nguyễn Thị Mỹ    | Quan Lộc - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200   | 0                             |
| 27        | Nguyễn Thị A     | Quan Lộc - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200   | 0                             |
| 28        | Phạm Thị Bội     | Quan Lộc - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200   | 0                             |
| 29        | Nguyễn Thị Phiu  | Quan Lộc - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200   | 0                             |
| 30        | Nguyễn Thị Thịnh | Quan Lộc - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200   | 0                             |
| 31        | Nguyễn Thị Ẽn    | Quan Lộc - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200   | 0                             |
| 32        | Nguyễn Thị Lưu   | Quan Lộc - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200   | 0                             |
| 33        | Nguyễn Văn Thị   | Quan Lộc - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200   | 0                             |
| 34        | Đặng Văn Trung   | Quan Lộc - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200   | 0                             |
| 35        | Nguyễn Thị Rạng  | Quan Lộc - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200   | 0                             |
| 36        | Nguyễn Thị Lợi   | Quan Lộc - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200   | 0                             |
| 37        | Phạm Thị Dung    | Quan Lộc - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200   | 0                             |
| 38        | Phùng Xuân Hưng  | Quan Lộc - Tiên Động | 55.400             | 3                    | 166.200                  | 166.200   | 0                             |
| Tổng cộng |                  |                      |                    |                      | 6.315.600                | 6.315.600 | 0                             |

Ấn định:

- Số hộ: 38 hộ  
- Số tiền: 6.315.600 đồng  
- Bằng chữ: Sáu triệu ba trăm mười lăm nghìn sáu trăm đồng